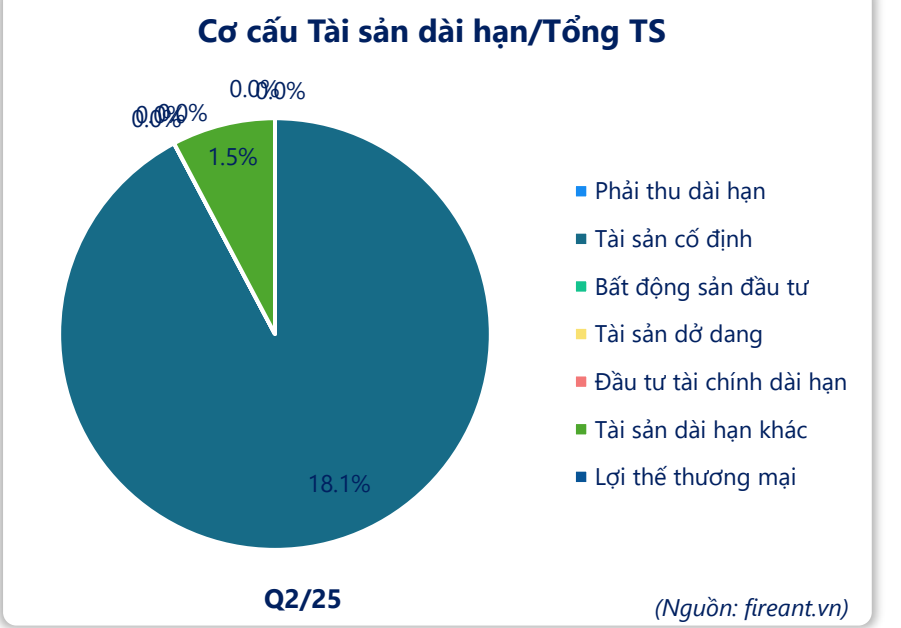
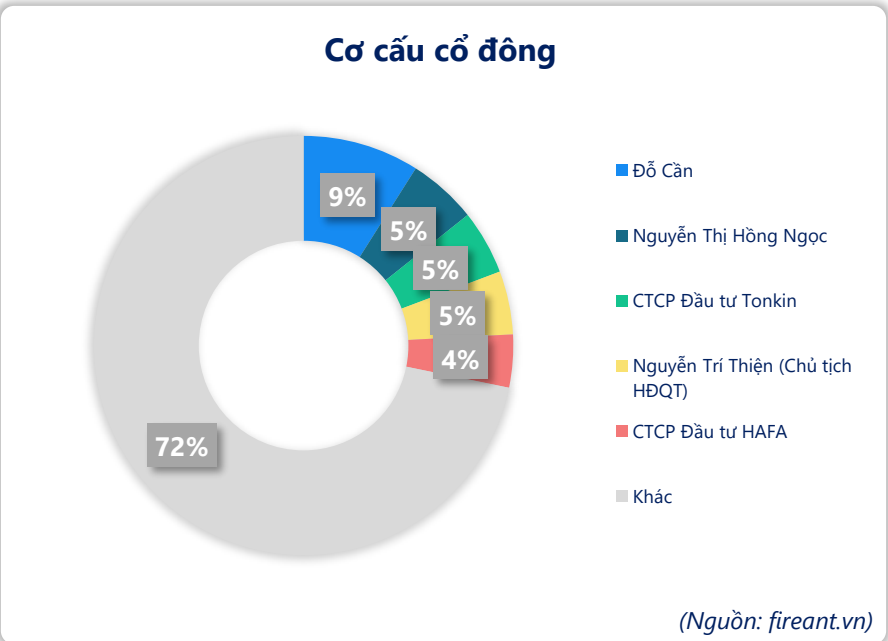
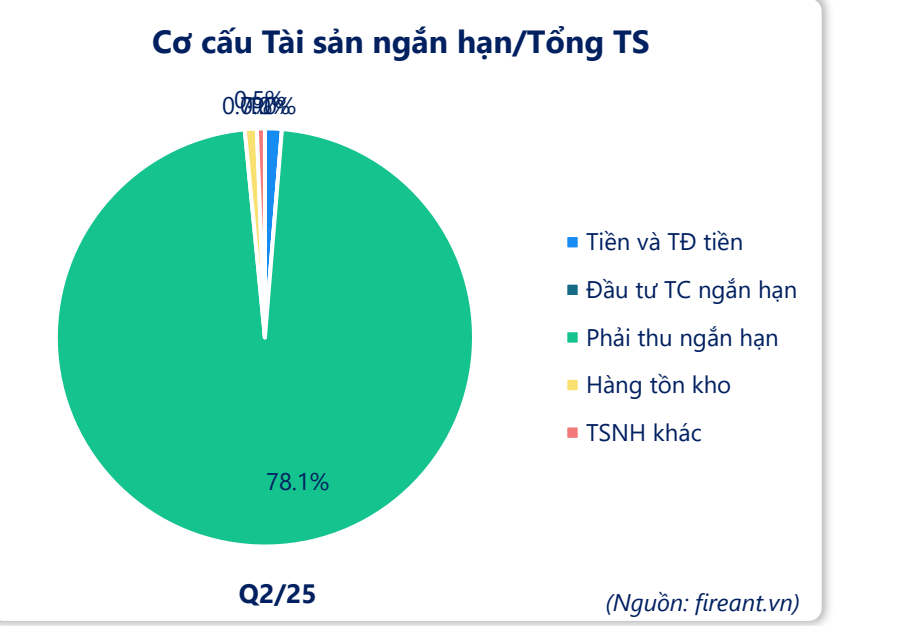
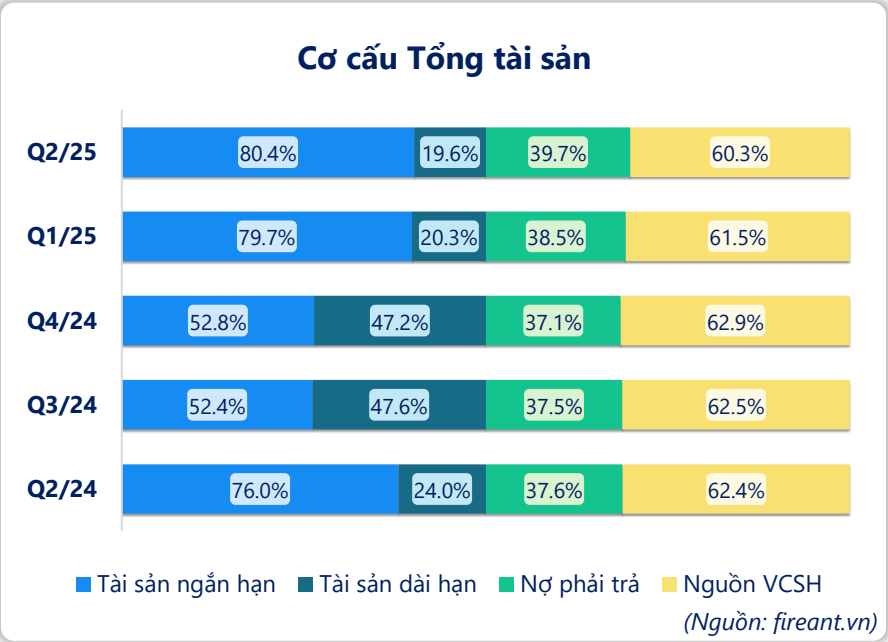
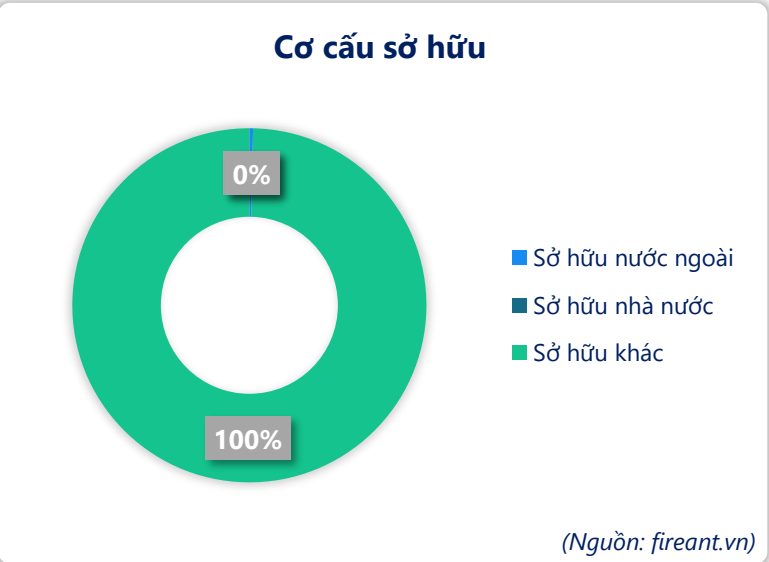
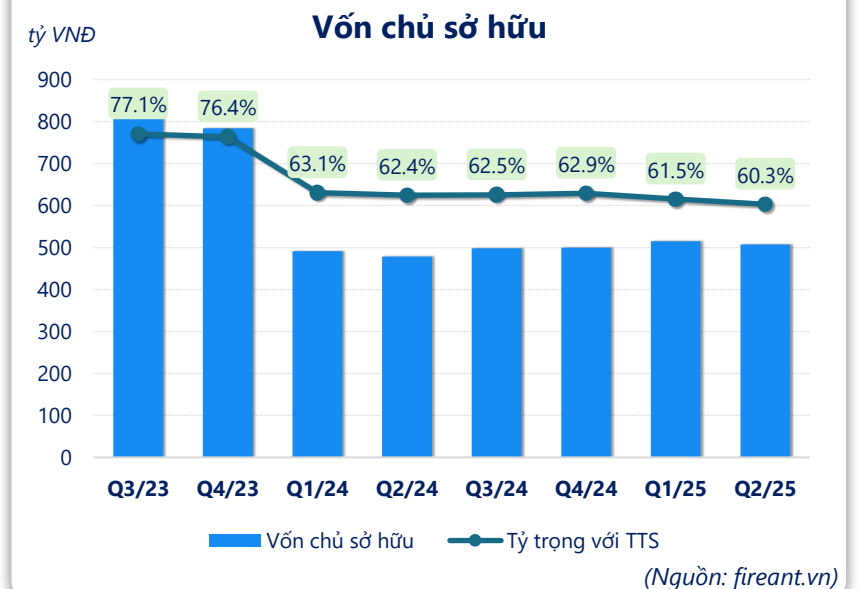
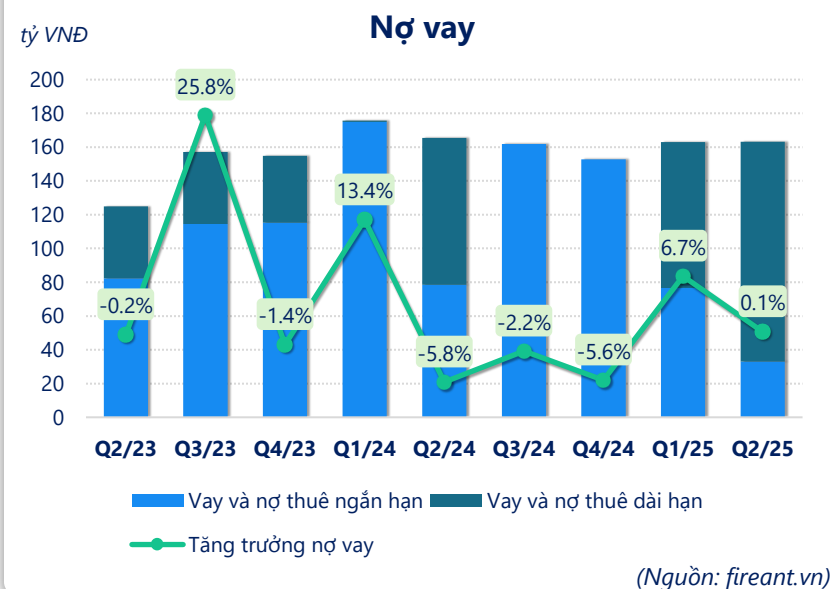
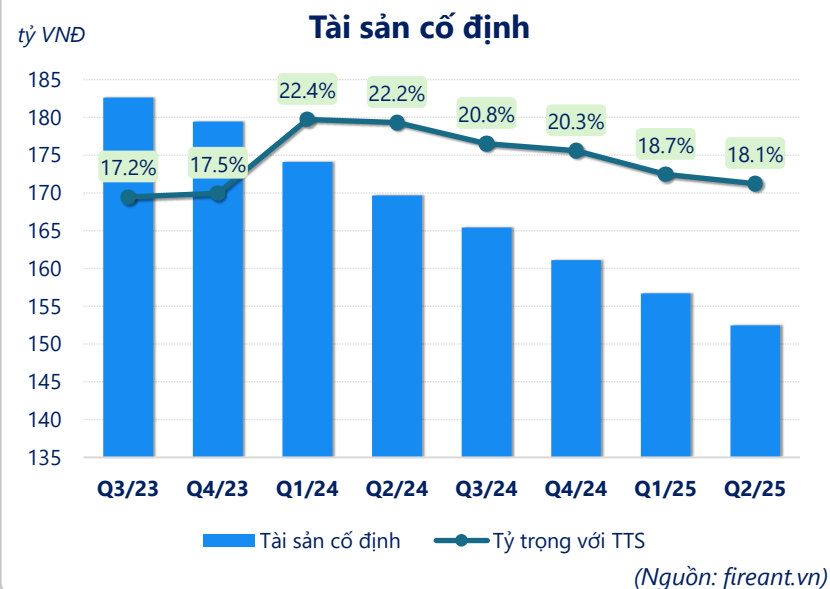
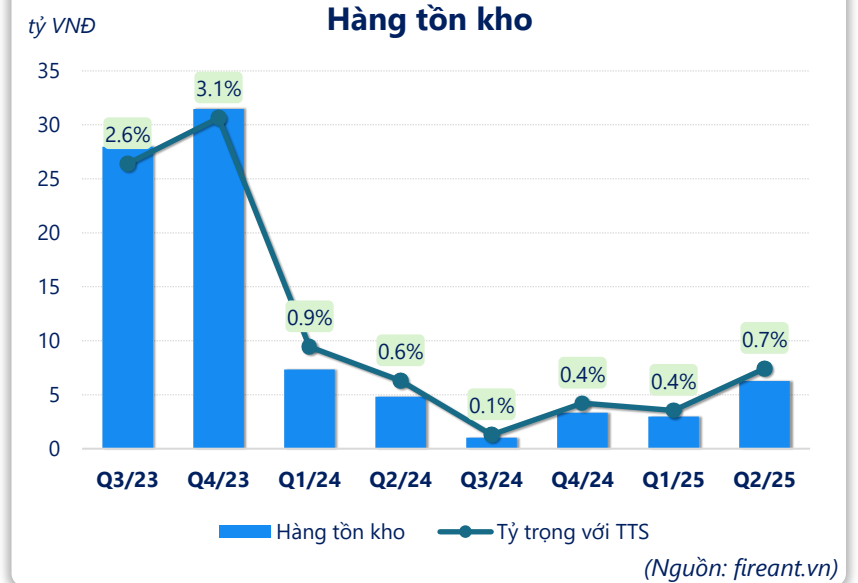
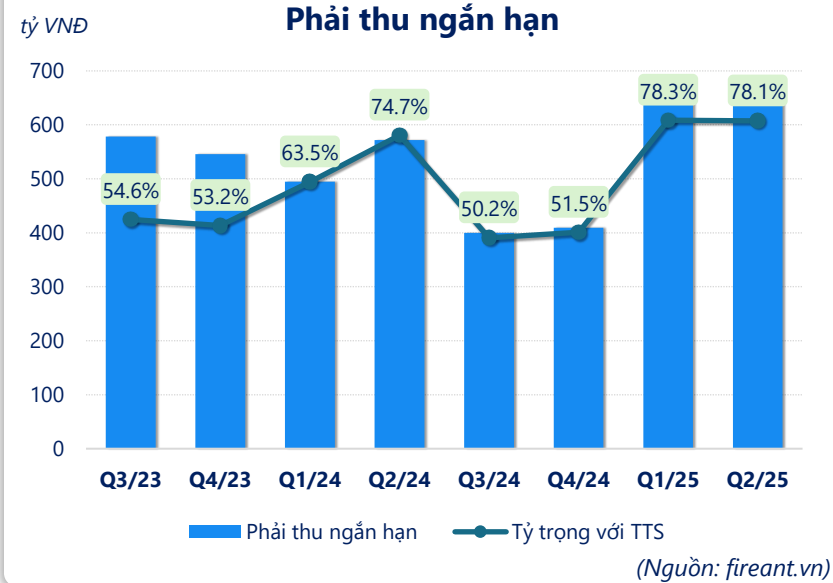
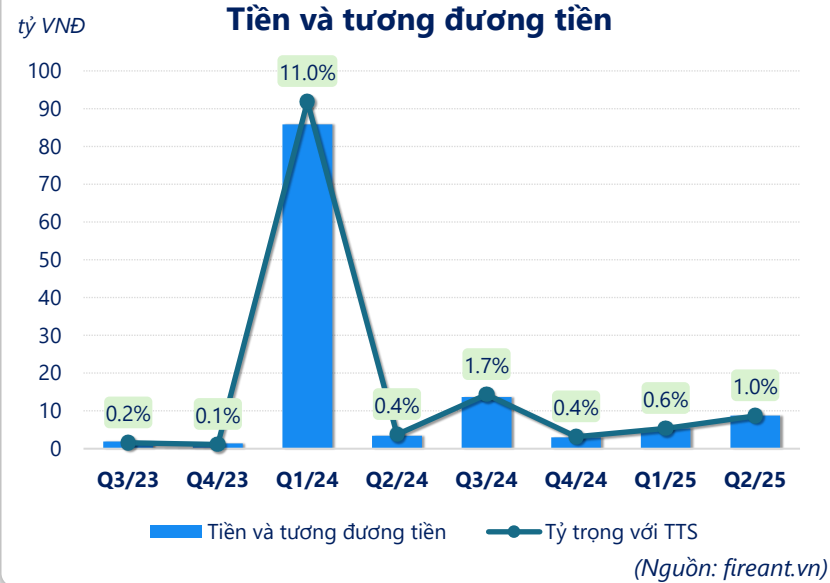
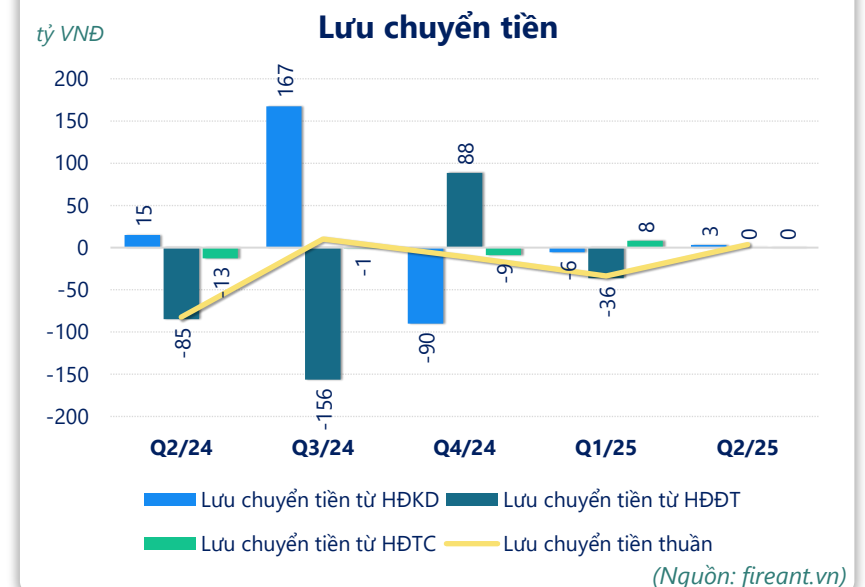
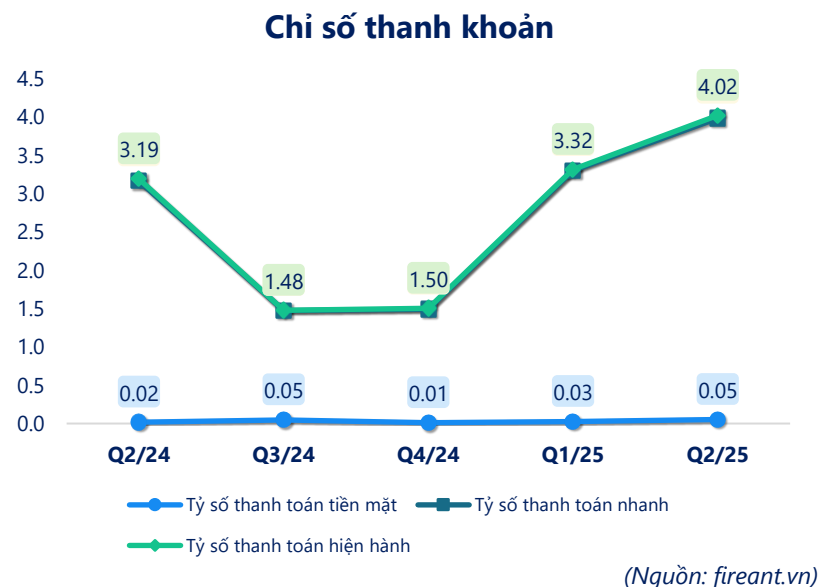
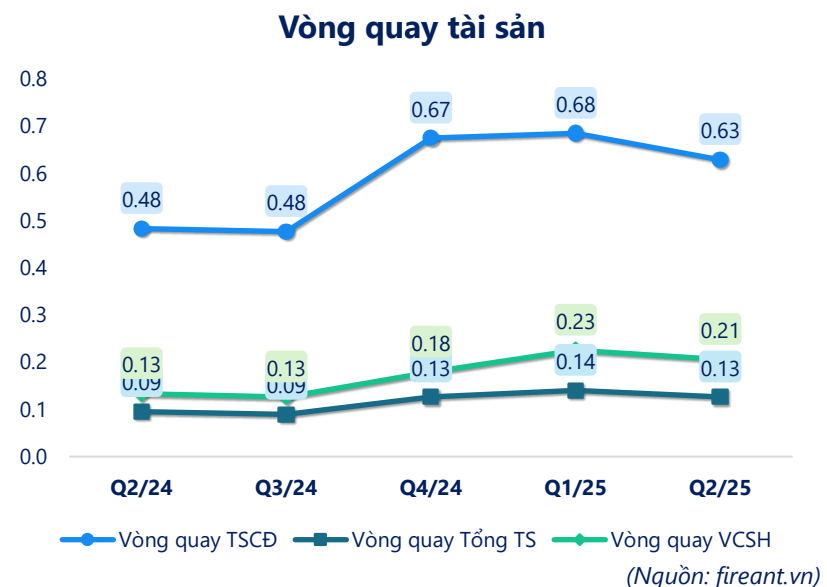
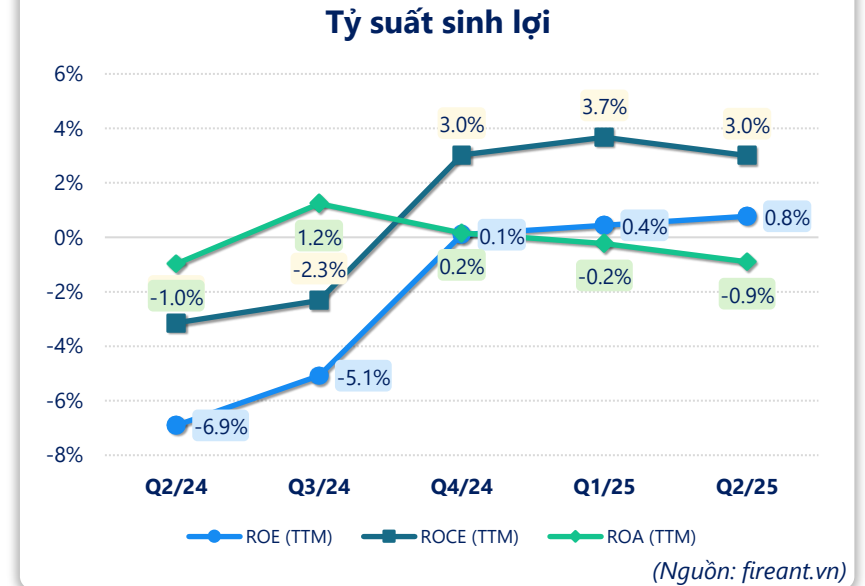
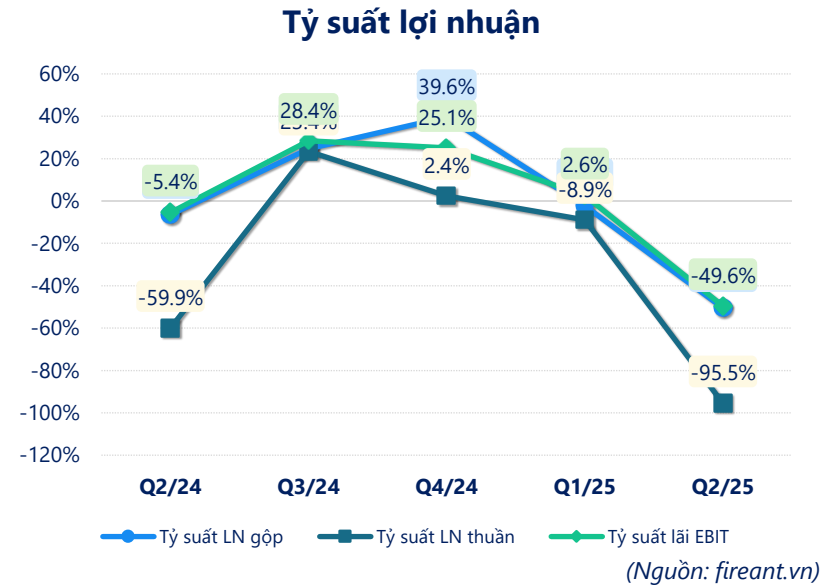
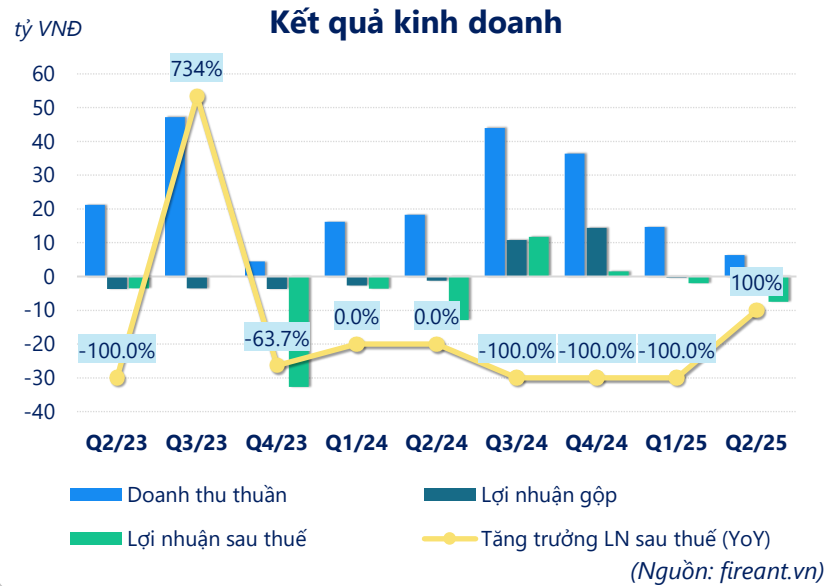


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		1,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		
SL cổ phiếu LH		79,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		
% sở hữu nước ngoài		0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		135
P/E		35.4
EPS		48

	YTD	1T	3T	6T
SJF	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	841	813	3.5%
Tài sản ngắn hạn	676	638	5.9%
Tiền và tương đương tiền	8.79	39.0	-77.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	657	592	11.0%
Hàng tồn kho	6.25	3.46	80.9%
Tài sản ngắn hạn khác	4.18	3.82	9.2%
Tài sản dài hạn	165	174	-5.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	152	161	-5.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	12.8	13.3	-3.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	334	296	12.9%
Nợ ngắn hạn	168	166	1.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	33.1	68.6	-51.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	12.5	20.9	-40.3%
Nợ dài hạn	166	130	27.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	130	86.4	50.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	507	517	-1.8%
Vốn chủ sở hữu	507	517	-1.8%
Vốn điều lệ	792	792	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	18.3	44.0	36.3	14.6	6.32
Giá vốn hàng bán	19.5	33.2	21.9	15.0	9.51
Lợi nhuận gộp	-1.20	10.8	14.4	-0.34	-3.19
Doanh thu HĐTC	4.20	4.42	0.49	2.38	2.41
Chi phí TC	12.5	2.22	10.6	1.69	2.90
Chi phí lãi vay	9.95	2.22	8.22	1.69	2.90
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	1.99	2.41	0.90	1.09
Chi phí QLDN	1.39	0.74	1.03	0.76	1.27
LN thuần từ HĐKD	-10.9	10.3	0.89	-1.30	-6.03
Lợi nhuận khác	0	0.00	0	0	0
LN trước thuế	-10.9	10.3	0.89	-1.30	-6.03
Lợi nhuận sau thuế	-12.9	11.7	1.56	-1.97	-7.48
LNST của CĐ cty mẹ	-8.82	11.5	1.44	-1.85	-7.23

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	15.1	167	-90.1	-5.69	3.21
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-84.6	-156	88.5	-36.0	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-12.8	-0.98	-9.04	8.05	0.21
Tiền đầu kỳ	85.8	3.53	13.7	39.0	5.36
Lưu chuyển tiền thuần	-82.3	10.2	-10.7	-33.7	3.43
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	-0.01	0	0
Tiền cuối kỳ	3.53	13.7	2.98	5.36	8.79

(Nguồn: fireant.vn)